

# **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QS VIỆT NAM**

## **CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

### **1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QS VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: QS VIETNAM INVESTMENT CONSTRUCTION AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: QSVN., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108476242

**3. Ngày thành lập:** 18/10/2018

### **4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 48, ngõ 66 Ngọc Thụy, Tổ 5, Phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0888802333

Fax:

Email:

Website:

### **5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| <b>STT</b> | <b>Tên ngành</b>                                                                                       | <b>Mã ngành</b> |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1.         | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                      | 4312            |
| 2.         | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                     | 4649            |
| 3.         | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                        | 4659            |
| 4.         | Cho thuê xe có động cơ                                                                                 | 7710            |
| 5.         | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                    | 4651            |
| 6.         | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                | 4663            |
| 7.         | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh | 4741            |
| 8.         | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                         | 4329            |
| 9.         | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                     | 4223            |
| 10.        | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                  | 4293            |
| 11.        | Phá dỡ                                                                                                 | 4311            |
| 12.        | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                  | 4321            |
| 13.        | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                  | 4322            |
| 14.        | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                         | 4330            |
| 15.        | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                             | 4299            |
| 16.        | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                    | 4390            |
| 17.        | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                      | 1621            |
| 18.        | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                | 1622            |
| 19.        | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                    | 4222            |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 20. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4759        |
| 21. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4752        |
| 22. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6619        |
| 23. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Thiết kế kiến trúc công trình;<br>- Thiết kế nội ngoại thất công trình;<br>- Thiết kế kết cấu công trình;<br>- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện;<br>- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình;<br>- Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;<br>- Thăm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công;<br>- Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;<br>- Kiểm định chất lượng công trình xây dựng;<br>- Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu; | 7110        |
| 24. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4101(Chính) |
| 25. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4291        |
| 26. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4751        |
| 27. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4221        |
| 28. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: - Môi giới bất động sản;<br>- Quản lý bất động sản;<br>- Sàn giao dịch bất động sản;<br>- Tư vấn bất động sản;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6820        |
| 29. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Trang trí nội thất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7410        |
| 30. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7730        |
| 31. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4212        |
| 32. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2592        |
| 33. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3100        |
| 34. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4102        |
| 35. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4753        |
| 36. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5610        |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

Thời gian đăng từ ngày 18/10/2018 đến ngày 17/11/2018

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông          | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức        | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN VĂN ĐOÀN      | Số 48, ngõ 66 Ngọc Thụy, Tổ 5, Phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 20,000    | 024085000469                                                                                |         |
|     |                      |                                                                                             | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                             |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | TRINH THỊ THUY TRANG | Số 48, ngõ 66 Ngọc Thụy, Tổ 5, Phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 300.000    | 3.000.000.000         | 60,000    | 001189014630                                                                                |         |
|     |                      |                                                                                             | Tổng số           | 300.000    | 3.000.000.000         | 60,000    |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                             |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGÔ VĂN QUÂN         | Xóm 6, Xã Tráng Việt, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                             | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 20,000    | 001088005416                                                                                |         |
|     |                      |                                                                                             | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                             |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

## 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRỊNH THỊ THÙY TRANG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 22/03/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001189014630

Ngày cấp: 06/03/2018

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 48, ngõ 66 Ngọc Thụy, Tổ 5, Phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 48, ngõ 66 Ngọc Thụy, Tổ 5, Phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội